TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30-7-2020
V/v: "*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tấn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Hoài Hiêm;

2. Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên toà: Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1992; HKTT: Tổ 18, khu phố BN, phường GB, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ tạm trú: Số 24, Tỉnh lộ 19, khu phố LK, phường GL, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hùng M, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ 18, khu phố BN, phường GB, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Thu T trình bày: Chị và anh Nguyễn Hùng M qua một thời gian tìm hiểu thì tiến đến hôn nhân cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã GB huyện TB (nay là phường GB, thị xã TB), tỉnh Tây Ninh vào tháng 01 năm 2019. Sau khi kết hôn chị và anh M sống chung với gia đình anh M khu phố BN, phường GB, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh. Chị và anh M sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị và anh M tính tình không hợp nhau dẫn đến gây gỗ nhau thường xuyên, bất

đồng quan điểm nhau trong cuộc sống. Hiện nay chị và anh M đã sống ly thân, trong quá trình sống ly thân chị và anh M, không có đặt vấn đề để hàn gắn đoàn tụ. Nay chị thấy đời sống hôn nhân với anh M không thể kéo dài mục đích hôn không thể đạt được. Thời gian chung sống vợ chồng, chị và anh M có một con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 07-9-2019, hiện nay cháu H đang sống với chị. Về tài sản chung không có. Về nợ chung chị và anh M không có thiếu nợ ai, cũng như không ai thiếu nợ chị và anh M.

Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hùng M. Khi ly hôn: Chị yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 07-9-2019, chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con, vì đủ khả năng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Hùng M trình bày: Anh thừa nhận lời trình bày của chị T là đúng về quan hệ hôn nhân, thời gian sống ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Nay anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu T. Khi ly hôn anh đồng ý để chị T được tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Gia H, sinh ngày 07-9-2019, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án quyết. Về nợ chung không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị Trảng Bàng.

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Việc giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56, Điều và Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đề nghị Hội đồng xét xử quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T đối với anh Nguyễn Hùng M. Chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn anh Nguyễn Hùng M.

Về con chung: Giao chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 07-9-2019. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có tranh chấp, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí sự sơ thẩm về hôn nhân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Thu T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh Nguyễn Hùng M. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Nguyễn Hùng M vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Chị T và anh Nguyễn Hùng M qua một thời gian tìm hiểu thì tiến đến hôn nhân cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã GB, huyện TB (nay là phường GB, thị xã TB), tỉnh Tây Ninh vào tháng 01 năm 2019. Sau khi kết hôn chị T và anh M sống chung với gia đình anh M khu phố BN, phường GB, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh. Chị T và anh M sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị Thu và anh M tính tình không hợp nhau dẫn đến gây gỗ nhau thường xuyên, bất đồng quan điểm nhau trong cuộc sống. Hiện nay chị T và anh M đã sống ly thân, trong quá trình sống ly thân chị T và anh M, không có đặt vấn đề để hàn gắn đoàn tụ. Nay chị T nhận thấy đời sống hôn nhân với anh M không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Nên chị Nguyễn Thị Thu T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hùng M.

Anh Nguyễn Hùng M thừa nhận lời trình bày của chị T là đúng về quan hệ hôn nhân, thời gian sống ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Nay anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu T.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Hùng M là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống vợ chồng, chị T và anh M có một con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 07-9-2019, hiện nay cháu H đang sống với chị T. Do đó, để tạo điều kiện, đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý của cháu H và hiện tại cháu H dưới 36 tháng tuổi cần được giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh M khai không có nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T đối với anh Nguyễn Hùng M. Chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn anh Nguyễn Hùng M.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 07-9-2019 cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị T không yêu cầu, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh M khai không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, tranh chấp nuôi con. Nhưng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị T đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018002 ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho chị Nguyễn Thị Thu T biết được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Hùng M vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TX. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- UBND phường GB;
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Tấn Đạt